

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Tiến*, Nguyễn Cẩm Hòa**

TÓM TẮT

Nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long” đã thực hiện các nội dung: Hệ thống hóa các qui định chung của nhà nước về công tác kiểm tra, trong đó tập trung vào qui trình nghiệp vụ kiểm tra thuế; Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm tra thuế tại tỉnh Vĩnh Long về mặt tổ chức cũng như về hiệu quả, dựa trên cơ sở các qui định hiện hành và số liệu từ kết quả thực hiện công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Long năm 2014 đến 2016; Sử dụng phương pháp xây dựng mô hình hồi qui tuyến tính để xác định các yếu tố có ảnh hưởng nhất đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế. Kết quả cho thấy có năm yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại tỉnh Vĩnh Long bao gồm: chính sách pháp luật, năng lực cán bộ kiểm tra thuế, chất lượng đợt kiểm tra thuế, sự hỗ trợ quản lý thuế của Cục Thuế và sự phối hợp giữa các ban ngành. Trong đó, yếu tố chính sách pháp luật có ảnh hưởng lớn nhất.

Từ khóa: Yếu tố, kiểm tra thuế.

ABSTRACT

The study “Factors influencing the efficiency of tax inspection at Vinh Long Tax Department” systematized general state regulations on inspection, mainly focusing on process tax inspections; Analyzed and assessed the current situations of tax inspections in Vinh Long province, based on the current regulations and data from the results of the tax inspections of Vinh Long Tax Department from 2014 to 2016; Used the linear regression model to determine the factors that had the greatest impact on the efficiency of tax inspections. The results showed that there were five factors influencing the effectiveness of the tax audits in Vinh Long province: legal policies, capacities of inspectors, qualities of tax inspection, the supports of tax management of Tax Department, and coordination among organs. In particular, legal policies are the most important.

Key word: Factors, tax inspection.

* Tiến sĩ, Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại

** Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long

1. Giới thiệu:

Kiểm tra thuế là một trong các chức năng cơ bản của cơ quan quản lý thuế nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật thuế, bảo đảm tính công bằng trong thực thi pháp luật thuế, đồng thời làm cho người nộp thuế luôn ý thức rằng có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại, từ đó thúc đẩy họ tự giác tuân thủ pháp luật thuế, là công việc thường xuyên, mang tính nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế được thực hiện ngay tại trụ sở cơ quan quản lý thuế dựa trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế. Việc kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở của người nộp thuế, chỉ thực hiện khi họ không tự giác sửa đổi, bổ sung những nội dung sai sót mà cơ quan thuế đã kiểm tra, phát hiện và yêu cầu. Nội dung kiểm tra thuế là kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ của người nộp thuế trong việc kê khai thuế. Kiểm tra thuế cũng giúp phát hiện những bất hợp lý trong chính sách thuế và pháp luật thuế để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi kịp thời nhằm phát huy tốt nhất vai trò của thuế trong việc đảm bảo số thu cho ngân sách nhà nước và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Thời gian qua công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Long luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của lãnh đạo đơn vị, công tác kiểm tra thuế luôn đạt kế hoạch đề ra. Mặc dù vậy, so với yêu cầu thực tiễn và yêu cầu quản lý, công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế Vĩnh Long cần có cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế trong thời gian tới, bài nghiên cứu Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế Vĩnh Long giúp đáp ứng yêu cầu đặt ra.

2. Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế

Trong lĩnh vực thuế, hiệu quả của hoạt động kiểm tra thuế không chỉ được xem xét đơn thuần theo giá trị bằng tiền. Hiệu quả của công tác kiểm tra thuế là hiệu quả thực hiện các chính sách thuế, phát huy các tác dụng vốn có của mỗi loại thuế đối với sản xuất đời sống xã hội, phục vụ công tác quản lý các đối tượng nộp thuế trong quá trình chấp hành pháp luật về thuế trên cơ sở công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả là tối đa, với chi phí quản lý ở mức tối thiểu. Hiệu quả của hoạt động kiểm tra thuế phải được xem xét trên các góc độ hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả chính trị. Cơ quan thuế thực hiện công tác quản lý thuế cũng như công tác kiểm tra thuế trên cơ sở các chính sách quản lý của Nhà nước, việc thực hiện các chính sách có được thuận lợi hay không phụ thuộc rất nhiều vào chính bản thân các chính sách đó. Nếu Nhà nước xây dựng các chính sách đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện thì công tác quản lý sẽ được thuận lợi, ngược lại nếu các chính sách phức tạp thì sẽ gây khó khăn trong quản lý, thậm chí còn tạo ra nhiều kẽ hở để người nộp thuế lợi dụng chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước.

Ngoài các chính sách về thuế, các chính sách quản lý khác của Nhà nước cũng ảnh hưởng rất lớn đến công tác kiểm tra thuế, như công tác tổ chức bộ máy quản lý cũng có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế cũng như trong công tác kiểm tra thuế. Do đó công tác kiểm tra thuế đòi hỏi cơ quan thuế phải luôn luôn kiện toàn bộ máy tổ chức

quản lý thuế. Chất lượng của công tác kiểm tra thuế phụ thuộc vào trình độ cán bộ, việc bố trí nhân lực cho các khâu để quản lý các đối tượng nộp thuế trong qui trình một cách hợp lý. Trình độ dân trí và ý thức chấp hành luật thuế của nhân dân.

Các nghiên cứu trước đây liên quan đến công tác kiểm tra thuế cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế, như nghiên cứu của Đặng Hồng Kỳ (2013), các giải pháp để hoàn thiện công tác kiểm tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Thái Bình những yếu tố đó là: giải pháp về chuyên môn; phát triển nguồn nhân lực; và nhóm giải pháp khác. Trong khi tại Cục Thuế tỉnh Nam Định, các giải pháp này là: giải pháp về nhân lực; về chuyên môn; về sự phối, kết hợp (Nguyễn Văn Tiến, 2013).

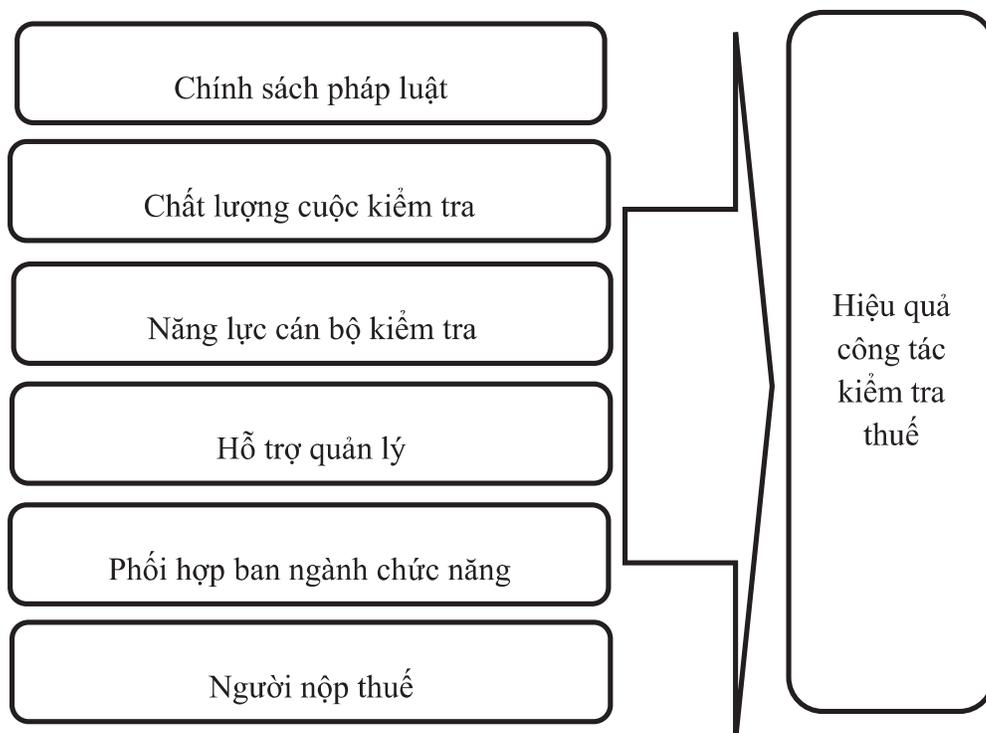
3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu khảo sát được thể hiện qua bảng câu hỏi. Số mẫu nghiên cứu khảo sát là 200 mẫu. Đối tượng khảo sát là các cán bộ, công chức hiện đang công tác ở bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế và những công chức trước đây đã công tác tại bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế, nhưng nay đã chuyển sang bộ phận khác tại Cục thuế và các Chi cục thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu trước đây và thực tiễn hoạt động kiểm tra thuế tại Cục thuế Vĩnh Long, tác giả xác định có các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm tra thuế theo Hình 1.



Hình 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm tra thuế

Nguồn: Tác giả đề xuất

Để giải quyết vấn đề đặt ra, tác giả sử dụng thang đo Likert 5 bậc trong việc đo lường các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Long qua bảng câu hỏi gồm 6 nhân tố với 36 biến quan sát và 4 biến đo lường cho mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế như: chính sách pháp luật, chất lượng đợt kiểm tra thuế, năng lực cán bộ kiểm tra thuế, sự hỗ trợ quản lý trong kiểm tra thuế, sự phối hợp ban ngành trong kiểm tra thuế, người nộp thuế và cuối cùng là hiệu quả công tác kiểm tra thuế.

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Sử dụng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach's Alpha trước khi phân tích nhân tố EFA để loại các biến không phù hợp vì các biến rác này có thể tạo ra các yếu tố giả, đề xuất các giá trị Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo như sau:

- (1) Khi $0,8 \leq \alpha < 1,0$ thì thang đo lường tốt;
- (2) Khi $0,7 \leq \alpha < 0,8$ thì thang đo sử dụng được;
- (3) Khi $\alpha \geq 0,6$ thì sử dụng được đối với khái niệm nghiên cứu mới.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Mô hình phân tích nhân tố EFA được cho là phù hợp khi các tiêu chuẩn sau đây thỏa điều kiện:

(1) Hệ số tải nhân tố (Factor Loadings): là những hệ số tương quan đơn giữa các biến và các nhân tố. Hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,3 được xem là đạt được mức tối thiểu, hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,4 được xem là quan trọng và lớn hơn 0,5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn.

- (2) Tính thích hợp của EFA bằng kiểm

định KMO (Kaiser - Meyer - Olkin): là chỉ số dùng xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố nếu $0,5 \leq KMO \leq 1$, các tương quan đủ lớn để có thể áp dụng phân tích nhân tố.

(3) Kiểm định Bartlett: kiểm định các biến không có tương quan với nhau trong tổng thể. Ý nghĩa kiểm định Bartlett cho biết nếu bác bỏ giả thuyết H_0 : đại lượng Chi - Square lớn, ý nghĩa thống kê nhỏ hơn 0,05 thì phân tích nhân tố là thích hợp;

(4) Phương sai cộng dồn (cumulative of variance): Thể hiện phần trăm biến thiên của các biến quan sát. Nghĩa là xem biến thiên là 100% thì giá trị này cho biết phân tích nhân tố giải thích được bao nhiêu %. Tiêu chuẩn để chấp nhận phân tích nhân tố có phương sai cộng dồn lớn hơn 50% với Eigenvalue phải lớn hơn 1.

Phương pháp phân tích tương quan hệ số Pearson

Để xem xét các mối tương quan tuyến tính giữa tất cả các biến, tức là phải xem xét tổng quát mối quan hệ giữa từng biến độc lập với biến phụ thuộc và xem xét mối quan hệ giữa các biến độc lập với nhau để xem có hiện tượng đa cộng tuyến hay không (không có hiện tượng đa cộng tuyến và phù hợp khi: $0.3 \leq r \leq 0.85$).

Phương pháp phân tích hồi qui đa biến

Được dùng để xem xét mối liên hệ tuyến tính giữa mức độ ảnh hưởng của các yếu tố (biến độc lập) đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế (biến phụ thuộc) như thế nào, tác động thuận chiều hay nghịch chiều.

- (1) Không có hiện tượng đa cộng tuyến (VIF < 10);

(2) Giá trị của Sig. (P-value) của kiểm định ANOVA dùng để đánh giá sự phù hợp (tồn tại) của mô hình. Giá trị Sig. nhỏ (thường <0,05) thì mô hình tồn tại;

(3) $R^2 > 0,5$ và giá trị Sig. của thống kê t phải < 0,05;

Phương pháp kiểm định One-Way Anova

Phân tích phương sai một yếu tố (còn gọi là One - Way Anova) dùng để kiểm định giả thuyết trung bình bằng nhau của các nhóm mẫu với khả năng phạm sai lầm chỉ là 5% (hay mức ý nghĩa Sig.< 0.05).

4. Kết quả và thảo luận

4.1 Kết quả nghiên cứu

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Ký hiệu biến	Diễn giải	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
	Phối hợp ban ngành chức năng(PHBN):	Cronbach' s Alpha = 0,778	
	Hỗ trợ quản lý(HTQL):	Cronbach' s Alpha = 0,899	
	Chất lượng cuộc kiểm tra (CLKT):	Cronbach' s Alpha = 0,939	
	Chính sách pháp luật (CSPL):	Cronbach' s Alpha = 0,858	
	Năng lực cán bộ kiểm tra (NLCB):	Cronbach' s Alpha = 0,909	
	Người nộp thuế (NNT):	Cronbach' s Alpha = 0,944	
	Hiệu quả công tác kiểm tra thuế (HQKTT):	Cronbach' s Alpha = 0,657	

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha các nhân tố trong mô hình lần lượt là: HTQL (0,899); CSPL (0,858); NNT (0,944); HQKTT (0,657) đều lớn hơn 0,6 và tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến

tổng >0,3. Sau quá trình thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha từ 40 biến quan sát ban đầu chỉ còn lại 37 biến quan sát gồm 33 biến độc lập và 4 biến phụ thuộc.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho nhóm biến độc lập

Hệ số Kaiser - Meyer - Olkin (KMO)		0,748
Kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity)	Approx. Chi-Square	6283,027
	Df	528
	Sig.	0,000
Giá trị Eigen		2,003
Phương sai trích		73,460

Kết quả kiểm định KMO và kiểm định Bartlett cho thấy hệ số KMO = 0,748 thỏa mãn điều kiện và kiểm định Bartlett có ý nghĩa (Sig = 0,000 < 0,05) ta có thể bác bỏ giả thuyết H_0 và khẳng định rằng có sự tương quan giữa các biến quan sát với mức ý nghĩa 95%.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc

Hệ số Kaiser - Meyer - Olkin (KMO)		0,714
Kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity)	Approx. Chi-Square	120,239
	Df	6
	Sig.	0,000
Giá trị Eigen		2,044
Phương sai trích		51,105

- Giá trị KMO là 0,714 ($0,5 < KMO < 1$), thỏa điều kiện nghiên cứu;

- Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett là 0,000 (Sig. < 0,05), đạt yêu cầu của nghiên cứu, điều này có ý nghĩa bộ số liệu phù hợp để phân tích nhân tố;

- Giá trị tổng phương sai trích là 2,044 lớn hơn 1 là đạt yêu cầu của nghiên cứu;

- Phương sai trích là 51,105% lớn hơn 50%, cho thấy 51,105% sự thay đổi của nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát tạo nên nhân tố.

Kết quả phân tích tương quan hệ số pearson

Tên biến	Diễn giải	Hệ số tương quan	Mức ý nghĩa	VIF
CLKT	Chất lượng cuộc kiểm tra	0,418**	0,000	1,0000
NNT	Người nộp thuế	- 0,039	0,587	1,0000
HTQL	Hỗ trợ quản lý	0,297**	0,000	1,0000
NLCB	Năng lực cán bộ kiểm tra	0,432**	0,000	1,0000
CSPL	Chính sách pháp luật	0,474**	0,001	1,0000
PHBN	Phối hợp ban ngành chức năng	0,273**	0,000	1,0000

**Mức ý nghĩa 1%, * Mức ý nghĩa 5%

Kết quả cho thấy biến độc lập NNT có mức ý nghĩa 0,587 lớn hơn mức ý nghĩa 5%, ta có thể nói là biến độc lập không có tương quan với biến phụ thuộc nên tác giả quyết định loại biến này ra khỏi mô hình hồi qui. Những biến độc lập còn lại có mức ý nghĩa đều nhỏ

hơn mức ý nghĩa 5% và có hệ số tương quan tương đối lớn, điều này cho thấy các biến độc lập có tương quan khá chặt chẽ với biến phụ thuộc. Như vậy, sau khi phân tích tương quan pearson các biến độc lập phù hợp sẽ được đưa vào phân tích mô hình hồi qui đa biến tiếp theo.

Kết quả phân tích hồi qui đa biến

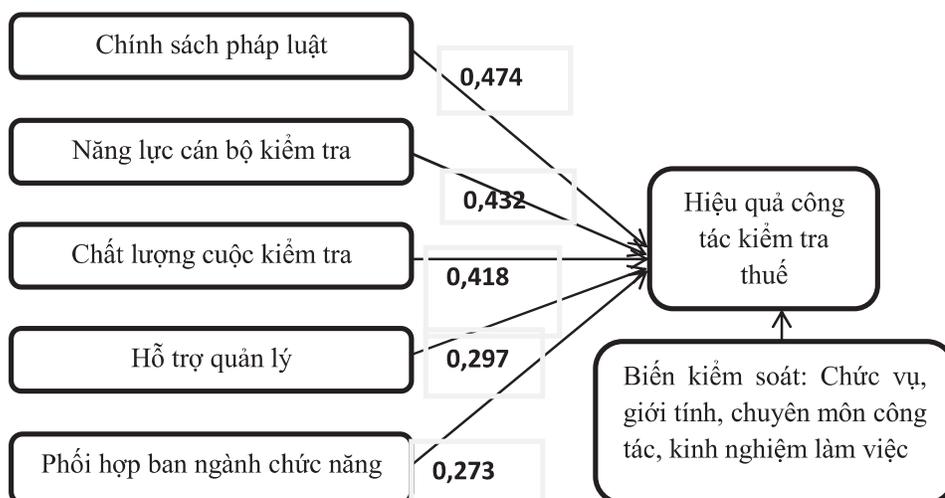
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Hệ số Tolerane	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
(Constant)	3,897E-016	0,036		0,000	1,000		
CLKT	0,418**	0,036	0,418**	11,643	0,000	1,000	1,000
HTQL	0,297**	0,036	0,297**	8,273	0,000	1,000	1,000
NLCB	0,432**	0,036	0,432**	12,029	0,000	1,000	1,000
CSPL	0,474**	0,036	0,474**	13,208	0,000	1,000	1,000
PHBN	0,273**	0,036	0,273**	7,610	0,000	1,000	1,000
Hệ số R ² hiệu chuẩn							0,743
Giá trị Sig. của kiểm định F thay đổi							0,000
Giá trị Sig. của kiểm định F							0,000
Giá trị kiểm định Durbin-Watson							1,693
<i>**Mức ý nghĩa 1%, * Mức ý nghĩa 5%</i>							

a. Dependent Variable: HQKTT

Qua phân tích cho thấy các biến CLKT, HTQL, NLCB, CSPL, PHBN đều đạt ý nghĩa 5% nên các biến này hoàn toàn phù hợp với mô hình, ta có phương trình hồi qui chuẩn hóa có dạng:

$$\text{HQKTT} = 0,474 * \text{CSPL} + 0,432 * \text{NLCB} + 0,418 * \text{CLKT} + 0,297 * \text{HTQL} + 0,273 * \text{PHBN}$$

Như vậy sau khi phân tích nhân tố, mô hình nghiên cứu còn lại 26 biến quan sát chia thành 5 nhân tố được đặt tên như sau: CSPL, NLCB, CLKT, HTQL, PHBN đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng và một nhân tố đo lường hiệu quả công tác kiểm tra thuế của ngành Thuế tỉnh Vĩnh Long. Mô hình nghiên cứu được điều chỉnh lại như sau:



Hình 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm tra thuế điều chỉnh lại

Nguồn: Kết quả xử lý

4.2 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả mô hình hồi quy cho thấy hiệu quả công tác kiểm tra thuế chịu tác động bởi 5 yếu tố: chính sách pháp luật (CSPL), năng lực cán bộ kiểm tra (NLCB), chất lượng đợt kiểm tra (CLKT), sự hỗ trợ quản lý (HTQL), sự phối hợp ban ngành (PHBN). Trong đó:

Chính sách pháp luật là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế dựa trên hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa là 0.474. Nghĩa là chính sách pháp luật có mối quan hệ cùng chiều với hiệu quả công tác kiểm tra thuế. Khi chính sách pháp luật thuế phù hợp, người nộp thuế sẽ tuân thủ tốt, thì hiệu quả công tác kiểm tra thuế sẽ tăng lên.

Năng lực cán bộ kiểm tra thuế là yếu tố ảnh hưởng thứ hai đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế dựa trên hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa là 0,432. Nghĩa là nâng cao năng lực cán bộ kiểm tra cần phải thường xuyên đào tạo và

đào tạo lại chú trọng đào tạo theo từng kỹ năng chuyên sâu, khi đó năng lực cán bộ kiểm tra được nâng cao và đồng đều thì hiệu quả công tác kiểm tra thuế sẽ tăng lên

Chất lượng cuộc kiểm tra thuế là yếu tố thứ ba ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế dựa trên hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa là 0.418. Nghĩa là khi cán bộ thuế làm công tác kiểm tra phân tích thông tin hồ sơ khai thuế của người nộp thuế hay của các đối tượng bị kiểm tra thuế tốt thì sẽ phát hiện đầy đủ và kịp thời các trường hợp vi phạm thuế. Bên cạnh đó, khả năng phối hợp, kết hợp trong công việc; khả năng xử lý, kiến nghị trong công việc góp phần cho chất lượng cuộc kiểm tra thuế đạt hiệu quả.

Hỗ trợ quản lý trong kiểm tra thuế là yếu tố thứ tư ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế dựa trên hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa là 0,297, nghĩa là hỗ trợ quản lý thuế là một trong những công

cụ quan trọng giúp công tác kiểm tra thuế diễn ra thuận tiện và nhanh chóng hơn, giúp các cán bộ kiểm tra thuế kiểm soát dễ dàng hơn hoạt động của người nộp thuế, kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm để lên kế hoạch kiểm tra thuế.

Phối hợp ban ngành trong kiểm tra thuế là yếu tố thứ năm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế dựa trên hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa là 0,273. Đây là công việc rất quan trọng do đối tượng điều tiết của thuế rất rộng trên mọi lĩnh vực, nên khi có sự phối hợp ban ngành tốt thì thì hiệu quả kiểm tra thuế sẽ tăng lên do có được nhiều nguồn dữ liệu thông tin....

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1 Kết luận

Qua nghiên cứu, tác giả đã khái quát được tổng quan những thành tựu cũng như thách thức của ngành Thuế tỉnh Vĩnh Long. Bên cạnh đó, tác giả xác định được 5 yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra thuế với mức độ từ cao đến thấp gồm: chính sách pháp luật; năng lực cán bộ kiểm tra; chất lượng cuộc kiểm tra; sự hỗ trợ quản lý; và sự phối hợp ban ngành.

Từ năm 2014 đến 2016, công tác kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Long luôn đạt kế hoạch kiểm tra. Các chỉ tiêu như số doanh nghiệp được kiểm tra, phát hiện sai phạm, tổng số thuế truy thu sau kiểm tra đều đạt và vượt kế hoạch. Cục Thuế đã tổ chức áp dụng bộ tiêu chí rủi ro nhằm phân loại và đưa vào kế hoạch kiểm tra các doanh nghiệp có rủi ro về thuế, nên đã hạn chế được tình trạng kiểm tra tràn lan.

5.2 Khuyến nghị

Qua kết quả phân tích, tác giả đưa ra một số khuyến nghị đến ngành thuế tỉnh Vĩnh Long như sau:

Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả. Chính sách thuế càng rõ ràng, minh bạch thì hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra thuế càng cao.

Xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, đẩy mạnh việc cập nhật thông tin.

Xây dựng và trang bị kỹ năng kiểm tra theo từng chuyên ngành lĩnh vực cho cán bộ làm công tác kiểm tra

Tổ chức các hội nghị sơ kết đánh giá hiệu quả công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế trên địa bàn để cùng học tập, trao đổi rút kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho cán bộ thuế.

Tiếp tục phát triển về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống kiểm tra.

Phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan sẽ trợ giúp rất lớn cho công tác kiểm tra thuế.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Bên cạnh đó cũng cần áp dụng công nghệ quản lý thuế hiện đại thông qua các chương trình tin học hóa, tự động hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Võ Tiên Dũng (2013). *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Kinh tế - kỹ thuật Bình Dương tháng 12 năm 2013.

[2]. Nguyễn Thị Thanh Hoài (2013). *Tăng cường công tác thanh tra thuế ở Việt Nam*. Tạp chí Tài chính số 5 - 2013.

[3]. Huỳnh Thị Mỹ (2015). *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành Tài Chính - Ngân Hàng, Đại học Tài Chính - Marketing.

[4]. Đặng Hồng Kỳ (2013). *Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế tại Cục Thuế tỉnh Thái Bình*. Luận văn thạc sĩ kỹ thuật Quản trị kinh doanh, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Ngày nhận bài: 7/5/2018

Ngày gửi phản biện: 11/5/2018